

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 19/3/2021  
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN KIM NGỌC.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **ĐINH THÀNH CÔNG;**

Ông **NGUYỄN VĂN HIỀN;**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa  
án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay,  
tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý:  
473/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly  
hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **HUỲNH ÁNH N**, sinh năm 1987. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh **TRẦN VĂN T**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 09/3/2020, trong quá trình giải  
quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Ánh N trình bày:

Do quen biết chị và anh Trần Văn T tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có

đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T ăn chơi, nợ nần không lo làm ăn chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh chị ly thân từ tháng 4/2020 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung Trần Huỳnh Hà V sinh ngày 24/7/2012 và Trần Huỳnh Huy B sinh ngày 28/4/2017, hiện nay cháu V đang sống với chị Ngọc còn cháu B do anh Tùng trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T. Con chung chị yêu cầu nuôi cháu Trần Huỳnh Hà V, giao anh T nuôi cháu Trần Huỳnh Huy B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ánh N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Xét thấy, bị đơn anh Trần Văn T cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị N và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Huỳnh Ánh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Trần Văn T nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tùng.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy, chị Huỳnh Ánh N và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/7/2011 tại Quyết số 88/2011, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh T không lo làm ăn chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Khi chị N có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh T nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó cho thấy anh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị N. Xét thấy, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Chị N, anh T có 02 con chung tên Trần Huỳnh Hà V, sinh ngày 24/7/2012 và Trần Huỳnh Huy B sinh ngày 28/4/2017 hiện cháu V đang sống với chị N, cháu B sống với anh T, chị Nc yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V, giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh, chị ly thân đến nay, cháu V sống với chị N, cháu B sống với anh T, mặt khác cháu V có văn bản trình bày ý kiến mong muốn sống với chị Ngọc khi cha mẹ ly hôn, đối với cháu B còn quá nhỏ và đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cháu V cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng:** Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, còn anh T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của chị N xem như anh tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình mà pháp luật quy định, nên Hội đồng xét xử xét không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] **Về án phí:** Chị Huỳnh Ánh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Ánh N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Huỳnh Hà V, sinh ngày 24/7/2012 cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Trần Huỳnh Huy B sinh ngày 28/4/2017 cho anh T nuôi dưỡng.

Chị N, anh T được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005887 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ngọc**